

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST

Ngày 05- 11- 2019

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Thanh Diện

2. Ông Trần Trọng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Nhung

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1980

Trú tại: Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1978

Trú tại: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 07/8/2019, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày: Chị và anh Trần Văn T có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn vào ngày 17/12/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q (nay là phường Q, thị xã B), tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà bố mẹ anh T, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng từ năm 2015 anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, chị đã nhiều lần khuyên anh T suy

nghe lại để giữ hạnh phúc gia đình nhưng anh T vẫn không thay đổi nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ chị sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2016 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm nên chị kiên quyết xin được ly hôn với anh T. Quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung: Trần Phan Thanh Đ, sinh ngày 15/3/2008, nếu vợ chồng ly hôn nguyện vọng của chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, vì từ trước đến nay con ở với chị và yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập nhiều lần cho anh T nhưng anh T không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Kết quả xác minh tại Công an, Ủy ban nhân dân phường Q: Anh Trần Văn T hiện đang làm ăn sinh sống tại địa phương, các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh T đã được Ủy ban tổng đạt trực tiếp cho anh T. Ngày 01/10/2019, Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập chị V, anh T đến tham gia phiên tòa vào ngày 16/10/2019, nhưng anh T vắng mặt nên Tòa án phải hoãn phiên tòa. Ngày 05/11/2019, Tòa án mở phiên tòa lần hai, tiếp tục triệu tập các bên đương sự đến tham gia phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Q: Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, các giấy triệu tập đến phiên tòa của Tòa án đã được Ủy ban tổng đạt trực tiếp cho anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm, bị đơn không chấp hành việc thông báo, triệu tập của Tòa án gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt anh Trần Văn T; căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị V, xử cho chị V được ly hôn anh T; giao con chung Trần Phan Thanh Đ, sinh ngày 15/3/2008 cho chị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, buộc anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị V có đơn yêu cầu ly hôn anh Trần Văn T, hiện tại anh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B.

- Về sự vắng mặt của anh Trần Văn T: Xét thấy anh T đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt anh Trần Văn T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q (nay là phường Q, thị xã B), tỉnh Quảng Bình, vào ngày 17/12/2007. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, nhưng từ năm 2015 do anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Chị V đã cố gắng níu kéo nhưng không có kết quả nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ chị sống từ tháng 9/2016 và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hiện nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn nên mong muốn được ly hôn. Xét thấy, vợ chồng chị V, anh T sống ly thân đã lâu, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị V, xử cho chị V được ly hôn anh T.

[3]. Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung: Trần Phan Thanh Đ, sinh ngày 15/3/2008, nếu vợ chồng ly hôn nguyện vọng của chị V xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy, hiện tại con đang ở với chị V và theo nguyện vọng của con cũng muốn được mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nếu bố mẹ ly hôn. Vì vậy, để ổn định cuộc sống và môi trường học tập của cháu cần căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình giao con chung cho chị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, buộc anh T cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 12/2019 cho đến khi con trưởng thành có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi sống bản thân là hoàn toàn phù hợp.

[4]. Về quan hệ tài sản: Quá trình chung sống chị V và anh T không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải nộp tiền án phí ly hôn, anh Trần Văn T phải nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo đúng quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; khoản 1 và khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016:

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Trần Văn T

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Trần Văn T

3. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung Trần Phan Thanh Đ, sinh ngày 15/3/2008 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, buộc anh Trần Văn T cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 12/2019 cho đến khi con trưởng thành có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi sống bản thân.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ qua lại thăm nom con mà không được ai cản trở.

4. Về tài sản chung: Không xem xét

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Xử buộc chị Nguyễn Thị V phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002437, ngày 07/8/2019. (chị V đã nộp đủ tiền án phí).

Buộc anh Trần Văn T nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung vào công quỹ Nhà nước.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án của Tòa án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND phường Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà